

# CARDIOTON®

30mg

**Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.  
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến của thầy thuốc**

### Thành phần:

Mỗi viên nang mềm có chứa:

Ubidecarenone (Coenzym Q10).....30 mg

D-alpha-Tocopherol (Vitamin E).....6,71 mg

Tá dược: Glycerol, Lecithin, Soya Oil, Beeswax - yellow, Rice bran oil, Titan dioxid, Gelatin, Vegetable oil - hydrogenated, Nước tinh khiết

### Tính chất dược động học:

Ubidecarenone (Coenzyme Q<sub>10</sub>), sau khi uống, được hấp thu thông qua hệ thống bạch huyết và thâm nhập vào ty thể trong tế bào. Sau khi uống 100mg Ubidecarenone, nồng độ đỉnh trong huyết tương (khoảng 0,5mcg/ ml Coenzyme Q<sub>10</sub> ngoại sinh) đạt được 6 giờ sau khi uống, sau đó nồng độ trong huyết tương giảm dần, thời gian bán thải của thuốc là 25 giờ.

Sự hấp thu của vitamin E từ đường tiêu hoá phụ thuộc vào sự có mặt của dịch mật và chức năng bình thường của tuyến tụy. Lượng vitamin E hấp thu được dường như giảm khi tăng liều dùng, Vitamin E tham gia vào hệ tuần hoàn nhờ các vi thể nhũ trắng của bạch huyết. Nó được phân bố đến tất cả các mô và dự trữ ở các mô có chất béo. Một lượng vitamin E được chuyển hoá tại gan thành glucuronide của acid tocopheronic và chất chuyển hoá  $\gamma$ -lacton của nó và được bài tiết qua nước tiểu nhưng phần lớn liều dùng Vitamin E được bài tiết dần dần vào dịch mật. Vitamin E được bài tiết vào sữa mẹ nhưng chỉ một phần rất nhỏ qua được hàng rào nhau thai.

### Tính chất dược lực học:

Ubidecarenone (Coenzyme Q<sub>10</sub>) có tác dụng trực tiếp trên cơ tim bị thiếu máu cục bộ và tăng cường hiệu suất sử dụng oxy. Các tác dụng này của Coenzyme Q<sub>10</sub> giúp cơ tim duy trì chức năng sản sinh năng lượng ở mức độ cao, ngay cả trong các trường hợp bị thiếu máu cục bộ, do đó làm giảm các tổn thương của tế bào cơ tim do thiếu máu gây ra. Trong thực tế lâm sàng, hiệu quả của Coenzyme Q<sub>10</sub> trên các rối loạn cơ tim được khảo sát bằng điện tâm đồ lúc nghỉ ngơi và khi gắng sức, người ta đã xác nhận rằng Coenzyme Q<sub>10</sub> giúp khôi phục sự suy giảm chức năng tim. Hơn nữa, các thử nghiệm lâm sàng mù đôi có kiểm chứng cho thấy hiệu quả của Coenzyme Q<sub>10</sub> trong việc cải thiện các triệu chứng của suy tim xung huyết có kèm theo sự suy giảm chức năng tâm thất trái do thiếu máu cục bộ tim mạn tính hay bệnh tim huyết áp cao.

Vitamin E là một chất chống oxi hoá với một trong những cơ chế tác dụng sau: Ngăn ngừa sự oxi hoá các thành phần chủ yếu của tế bào như ubiquinones.

Ngăn ngừa sự tạo thành các sản phẩm oxi hoá độc hại như các sản phẩm peroxyd hoá từ các chất chuyển hoá của các acid béo chưa bão hoà.

### Chỉ định:

Thuốc được dùng để điều trị hỗ trợ:

- Thiếu năng tuần hoàn, bệnh thiếu máu ở tim, tăng huyết áp động mạch, chứng loạn nhịp đi kèm thiếu năng tuần hoàn, hội hộp, đánh trống ngực
- Bổ sung năng lượng cho cơ, đặc biệt cho bệnh cơ tim
- Các triệu chứng đau thắt ngực.

Ngoài ra, thuốc còn được dùng trong:

- Hội chứng mệt mỏi kéo dài, suy giảm khả năng hoạt động thể chất do thiếu hụt coenzym Q10, đặc biệt ở người cao tuổi.
- Điều trị và dự phòng tình trạng thiếu vitamin E.
- Phòng và điều trị vữa xơ động mạch.
- Bệnh tiêu quanh răng.
- Làm chậm quá trình lão hoá của tế bào.
- Ngăn ngừa xuất hiện nếp nhăn da do lão hoá

**Thuốc này chỉ dùng theo đơn của Bác sĩ**

### Liều lượng và cách dùng:

1 - 3 viên/lần x 2 lần/ngày.

### Chống chỉ định:

Không dùng cho bệnh nhân bị mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc

### Thận trọng và cảnh báo:

- Không khuyến dùng thuốc này cho trẻ em, phụ nữ có thai và cho con bú vì chưa có kinh nghiệm lâm sàng đối với nhóm bệnh nhân này.
- Trong quá trình điều trị có thể xuất hiện tăng không đáng kể nồng độ lactic dehydrogenase và transaminase trong máu

### Sử dụng cho phụ nữ mang thai và cho con bú:

Khả năng sinh quái thai của thuốc chưa được ghi nhận. Trong lâm sàng, độ an toàn của thuốc trong thời gian mang thai và cho con bú chưa được xác định, nên chỉ dùng thuốc cho nhóm bệnh nhân này khi thật cần thiết. Cần cân nhắc giữa các lợi ích đạt được và các nguy cơ có thể xảy ra.

### Tác động của thuốc khi lái xe và vận hành máy móc:

Không ảnh hưởng

### Tác dụng không mong muốn:

- Khó chịu dạ dày, chán ăn, buồn nôn hoặc tiêu chảy có thể xảy ra nhưng không thường xuyên.
- Những triệu chứng như phát ban da có thể xảy ra nhưng không thường xuyên

**Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.**

### Tương tác thuốc:

Thuốc có thể làm tăng tác dụng của thuốc lợi tiểu, các thuốc glycoside trợ tim và nitrate. Ngoài ra thuốc có thể làm giảm nguy cơ xuất hiện các triệu chứng ảnh hưởng suy giảm lên tim mạch của các thuốc nhóm adrenolytic beta, làm tăng tác dụng của các thuốc chống đông máu warfarin và làm giảm độc tính của các kháng sinh thuộc nhóm antracycline.

Thuốc làm tăng sự hấp thu, sử dụng và dự trữ vitamin A và có thể chống lại bệnh thừa vitamin A, tuy nhiên những tác dụng này hiện vẫn còn nhiều ý kiến tranh cãi.

Thuốc và một trong những chất chuyển hoá của nó có tác dụng chống lại tác dụng của vitamin K.

Sử dụng quá nhiều dầu khoáng có thể làm giảm sự hấp thu của thuốc.

Thuốc có thể làm tăng tác dụng ức chế kết tập tiểu cầu của Aspirin.

### Sử dụng quá liều:

Chưa có báo cáo về việc sử dụng thuốc quá liều

### Đóng gói:

Hộp 3 vi x 10 viên

Hộp 6 vi x 10 viên

### Hạn dùng:

3 năm kể từ ngày sản xuất.

**Không dùng thuốc quá hạn sử dụng.**

### Bảo quản:

Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh sáng, ở nhiệt độ dưới 30°C

**Đề xa tầm với của trẻ em**

### Nhà sản xuất:

LIPA PHARMACEUTICALS LTD.

Địa chỉ: 21 Reaghs Farm Road, MINTO, NSW, 2566, Australia